| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày:31-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thời

2. Ông Cao Văn Dương

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:*** Ông Trần Phương Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 630/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 801/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Ngụy Thị S, sinh năm 1988

Địa chỉ: 6, tổ H, Khu phố G, phường T, Q, thành phố Hồ Chí Minh;

***Bị đơn:*** Anh Mai Ngọc T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T3, huyện H, tỉnh Bình Thuận.
Nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, tại bản tự khai nguyên đơn chị Ngụy Thị S trình bày:*

Chị và anh Mai Ngọc T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2005. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn trước năm 2018 và bắt đầu ly thân từ năm 2018, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại anh T đang chấp hành án 16 năm tù tại Trại giam T3, H, Bình Thuận. Để chấm dứt quan hệ hôn nhân nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị S có 02 con chung tên Mai Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/9/2006 và Mai Hoàng T1, sinh ngày 15/01/2013, hiện nay chị S đang nuôi dưỡng. Do anh T còn chấp hành án hơn 10 năm nữa, không thể chăm sóc con nên khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, qua ủy thác thu thập chứng cứ, bị đơn anh Mai Ngọc T trình bày:*

Anh và chị Ngụy Thị S tự nguyện kết hôn năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Năm 2018 anh bị xử phạt tù 16 năm về tội cướp tài sản và bắt giữ người trái pháp luật. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh và chị S còn nhiều vấn đề về tài sản chưa giải quyết xong và anh còn thương vợ con. Con chung có hai con như chị S khai, anh không đồng ý giao con cho chị S nuôi vì chị S đang theo người đàn ông khác và bỏ mặc con cái, các con hay bị chị S đuổi ra khỏi nhà, chị anh là chị Mai Thị Kim T2 đang nuôi hai cháu nên anh có nguyện vọng tạm thời giao hai con cho chị T2 nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị S tự thỏa thuận giải quyết.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự*:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngụy Thị S, giao hai con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Ngụy Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Mai Ngọc T có địa chỉ thường trú trước khi chấp hành án phạt tù tại thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều

28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn anh Mai Ngọc T đã nhận được các thông báo của Tòa án, anh đã biết thông tin vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ngụy Thị S, đồng thời anh đã trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa anh T không có mặt, Hội đồng xét xử xét thấy anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T3, huyện H, tỉnh Bình Thuận, bị hạn chế quyền tự do đi lại và cư trú của công dân nên đương nhiên không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

Về phía nguyên đơn chị Ngụy Thị S vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

[3] Về hôn nhân: Chị Ngụy Thị S và anh Mai Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình chung sống trước năm 2018 theo chị S khai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, năm 2018 đã sống ly thân và do hiện tại anh T đang ở tù. Về phía anh T khai vợ chồng không có mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh T không đồng ý ly hôn nhưng hiện tại anh đang chấp hành án phạt tù, phải cách ly với đời sống xã hội, thì giữa anh và chị S đã không còn chung sống với nhau, chị S không còn tình cảm với anh và mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân, do đó có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T đã ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị S được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị S có 02 con chung tên Mai Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/9/2006 và Mai Hoàng T1, sinh ngày 15/01/2013, khi ly hôn chị S yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy anh T đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi con. Cháu N và cháu T1 đang sống với chị S và có nguyện vọng sống với chị. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ngụy Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngụy Thị S được ly hôn anh Mai Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Mai Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/9/2006 và Mai Hoàng T1, sinh ngày 15/01/2013 cho chị Ngụy Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Mai Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ngụy Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005583 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Hồng Mỹ**

| | |
|---|---|
| | |